

HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ GIÁO DỤC TRONG XU THẾ TOÀN CẦU HÓA

GS.TS Phan Ngọc Liên

Trường ĐHSP Hà Nội

Lịch sử loài người bắt đầu từ khi con người ra đời và xã hội hình thành. Quá trình từ quan hệ cộng đồng nguyên thủy nhỏ hẹp với khoảng 30 - 40 người, sống quây quần theo quan hệ ruột thịt đến quan hệ ngày càng mở rộng với nhiều cộng đồng khác trên quả đất trải qua một thời kỳ lịch sử rất lâu dài. Theo các nhà khảo cổ học, trong thời đại đồ đá mới, quan hệ của các tộc người diễn ra trong vòng đường kính khoảng 70 km ; đến buổi đầu thời cổ đại, đường kính này kéo dài đến 1.000 km, rồi mở rộng ra các châu thuộc cự lục địa. Chủ nghĩa tư bản hình thành, phát triển đã "kéo dịch" các châu lục lại với nhau, quan hệ thế giới được tăng cường, cùng với sự ra đời của chủ nghĩa thực dân.

Ngày nay với sự phát triển của các cuộc cách mạng trên thế giới từ thời cận đại, đặc biệt với sự thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga 1917, giai cấp công nhân và nhân dân bị áp bức đã gặp nhau trên con đường đấu tranh dài lâu và gian khổ theo chủ nghĩa xã hội, nhưng nhất định thành công. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật, nay là cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, càng tạo điều kiện cho xu thế "toàn cầu hóa", "quốc tế hóa" phát triển mạnh mẽ. Trước xu thế ấy, không một dân tộc, quốc gia nào có thể "cô lập huy hoàng", sống tách khỏi cộng đồng thế giới. Mặt khác, hội nhập quốc tế mà không giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, bản sắc văn hóa dân tộc thì cũng sẽ bị "hòa tan", không thoát khỏi sự lệ thuộc nhiều mặt đối với các nước giàu mạnh, chưa từ bỏ âm mưu nô dịch các dân tộc đang phát triển với chiến lược "diễn biến hòa bình".

Trong hội nhập quốc tế, hội nhập về giáo dục có ý nghĩa quan trọng và cũng phức tạp, khó khăn. Để góp phần giải quyết vấn đề này, chúng tôi tập trung vào mấy điểm chủ yếu sau đây:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về hội nhập quốc tế nói chung, hội nhập về giáo dục nói riêng.

- Một số vấn đề hội nhập quốc tế về giáo dục của Việt Nam trong điều kiện lịch sử hiện nay.

Trong khuôn khổ một báo cáo khoa học, chúng tôi giới hạn việc trình bày chủ yếu ở một số vấn đề có tính chất phương pháp luận, được minh họa bằng một số ý kiến mang tính kiến nghị.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Công sản Việt Nam về hội nhập quốc tế trên lĩnh vực văn hóa giáo dục

Ngay từ lúc mới xuất hiện, con người đã có ý thức về tự nhiên, về cộng đồng người và bản thân ; cho nên "Lịch sử bắt đầu từ đâu thì quá trình tư duy cũng bắt đầu từ đó" (1). Nhờ tư duy mà lao động của con người mang tính sáng tạo, xã hội không ngừng phát triển, quan hệ giữa các cộng đồng người được mở rộng. Trong quá trình này, giáo dục có vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển xã hội. Tuy nhiên, trong xã hội nguyên thủy giáo dục mới là hiện tượng xã hội, được tiến hành trên hai lĩnh vực - lao động sản xuất và đời sống cộng đồng. Lúc bấy giờ, người già có nghĩa vụ truyền lại cho con cháu những hiểu biết, kinh nghiệm về chế tác công cụ lao động, lao động sản xuất, về quê hương, tổ tiên, quan hệ trong cộng đồng. Những tri thức như vậy được tích lũy, thể hiện trong những lời khuyên bảo, răn dạy thông qua những câu chuyện thần thoại, cổ tích, truyền thuyết, ca dao, tục ngữ v.v... Giáo dục luôn là điều kiện để con người và xã hội tồn tại, phát triển.

Sự tan rã của chế độ công xã nguyên thủy, sự ra đời của xã hội chiếm hữu nô lệ làm cho giáo dục không còn mang tính bình đẳng như giáo dục tự nhiên, sơ khai thời trước. Trong xã hội có giai cấp đối kháng, giáo dục là công cụ của giai cấp thống trị, trở thành một bộ phận của thượng tầng kiến trúc của một chế độ xã hội - chính trị. Trong xã hội có giai cấp không thể có một "nền giáo dục phi chính trị", "nền giáo dục trung lập". Theo đó, "nhà trường phải trung lập với quan điểm chính trị, ... giáo viên phải đứng ngoài mọi cuộc đấu tranh của các đảng phái" (2). Tuy vậy, cùng với sự phát triển những mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc thì sự trao đổi về giáo dục càng ngày càng được mở rộng. Các nước học tập, tiếp nhận những kinh nghiệm tốt để xây dựng giáo dục của mình, đồng thời cũng đấu tranh chống sự nô dịch, đồng hóa về giáo dục.

Nhân dân Việt Nam có lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Giáo dục tự nhiên, hiện tượng giáo dục thời nguyên thủy đã xuất hiện ngay lúc con người hình thành trên lãnh thổ Việt Nam cách khoảng 20 vạn năm. (3)

Việt Nam nằm ở vị trí chiến lược của vùng Đông Nam Á, trên đầu mối các đường thủy, bộ quan trọng và thuận lợi từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây. Vì vậy, cư dân trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay sớm có điều kiện tiếp xúc, giao lưu với nhiều nền văn hóa lớn của nhân loại, tiêu biểu là văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ ở phương Đông cổ đại. Do gìn giữ được bản sắc của mình nên nền văn hóa dân tộc Việt Nam có sức mạnh kì diệu, không bị sự đô hộ của bọn xâm lược nước ngoài đồng hóa hay tiêu diệt. Văn hóa dân tộc Việt Nam còn biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nước ngoài để thêm phong phú và hùng mạnh. Sức mạnh của nền văn hóa dân tộc thể hiện sức sống của cả dân tộc trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Thành tích trong lĩnh vực sản xuất và chiến thắng trong đấu tranh xã hội thể hiện sức mạnh, sự bền vững của nền văn hóa dân tộc.

Trong nền văn hóa dân tộc, giáo dục là một bộ phận quan trọng. Nếu tính từ thời Văn Lang - Âu Lạc đến nay, thời gian mà nhân dân các dân tộc trên đất nước Việt Nam bị đô hộ dài không kém những năm tháng độc lập, xây dựng Tổ quốc. Ngay trong thời kì hòa bình, nhân dân ta vẫn không ngừng đối phó, chống phá nhiều âm mưu xâm lược của kẻ thù, trong đó có các thủ đoạn nham hiểm về giáo dục. Trong thời Bắc thuộc, các triều đại phong kiến Trung Quốc đã đưa Nho học vào nước ta, mở trường dạy học chữ Hán để truyền bá "lễ nghĩa Trung Hoa" cho dân ta, từ cách ăn mặc, lấy vợ, lấy chồng, làm mũ, giày ... Dưới thời thuộc Pháp, bọn thực dân thi hành chính sách "Làm cho dân ngu để dễ trị", đó là chính sách mà các nhà cầm quyền ở các thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất" (4). Dưới chế độ Mĩ và chính quyền Sài Gòn thống trị miền Nam (1954 - 1975), giáo dục thực dân mới cũng được xây dựng làm công cụ đánh phá cách mạng Việt Nam.

Trong cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, tiến bộ xã hội, nhân dân Việt Nam vừa chiến đấu dũng cảm trên mặt trận giáo dục, chống mọi âm mưu đồng hóa của kẻ thù, vừa biết tiếp nhận những tinh hoa văn hóa, giáo dục nước ngoài để xây dựng nền giáo dục dân tộc, độc lập của mình. Vào buổi đầu thời Bắc thuộc đã có người nước ta sang du học và đỗ đạt ở Trung Quốc, như Lý Ông Trọng, Lý Tiên, Lý Cầm, Trương Trọng, Khương Công Phụ, Khương Công Phục, Tinh Thiều (đã bỏ về nước theo Lý Bôn khởi nghĩa và giữ chức quan văn của nhà nước Vạn Xuân độc lập).

Trên cơ sở nền văn hóa, giáo dục dân gian cổ truyền, nhân dân ta kết hợp với văn hóa, giáo dục Trung Hoa cổ đại, để xây dựng nền giáo dục chính thống của mình. Chữ Nôm ra đời vào khoảng cuối thời Bắc thuộc, dựa theo nguyên tắc cấu tạo và hình dáng chữ Hán để ghi lại tiếng nói dân tộc. Hồ Quý Ly, Quang Trung đã có kế hoạch, chính sách xây dựng chữ Nôm thành chữ viết chính thức của dân tộc và phát triển nền văn hóa giáo dục chữ Nôm.

Phật giáo, Đạo giáo, Nho học được du nhập từ ngoài vào cũng dần dần biến đổi cho phù hợp với phong tục, tập quán, văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng nền Nho giáo chính thống Việt Nam từ thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XX.

Thực dân Pháp sau khi bình định về quân sự, thiết lập chế độ thống trị trên toàn cõi Đông Dương đã ra sức cải tổ, củng cố giáo dục thực dân, lần lượt thay giáo dục Nho học bằng Tân học nhưng hạn chế về nội dung hiện đại, cũng như số lượng trường học. Nguyễn Ái Quốc dẫn ra những con số có sức thuyết phục như sau : "Lúc ấy, cứ một nghìn làng thì có đến một nghìn năm trăm đại lí bán lẻ rượu và thuốc phiện. Nhưng cũng trong số một nghìn làng đó lại chỉ vắn vắn mười trường học" (5). Giáo dục thực dân mới kiểu Mĩ trong những năm 1954 - 1975 ở miền Nam, tuy núp dưới khẩu hiệu "cần lao", "nhân vị", "cộng đồng", song trên thực tế lại nhằm đào tạo những lớp người xa rời dân tộc, chống lại nhân dân, cách mạng.

Giáo dục thực dân kiểu cũ của Pháp, kiểu mới của Mĩ dù cố gắng mấy cũng chỉ đào tạo được một đội ngũ ít ỏi những người phục vụ cho bộ máy cai trị, còn nhiều nhà trí thức lớn, phần đông những người có học vấn từ trình độ phổ thông trở lên đều là những người yêu nước chân chính, tiến bộ.

Âm mưu, thủ đoạn của bọn phong kiến, thực dân, đế quốc đối với nhân dân Việt Nam về giáo dục, cũng như trên mọi mặt khác, về cơ bản đã thất bại. Bởi vì, nhân dân, phần đông những người được đào tạo ở các trường phong kiến, thực dân với tinh thần yêu nước, tự cường, tự lập đã đấu tranh dũng cảm bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nền văn hóa, giáo dục dân tộc. Song về khách quan chúng ta cũng nhận thấy rằng, những yếu tố tích cực trong giáo dục nho học Trung Quốc, giáo dục Pháp cũng có tác động, ảnh hưởng nhất định đến việc xây dựng và phát triển của giáo dục Việt Nam. Điều này chủ yếu là do nhân dân Việt Nam đã biết tiếp cận những yếu tố tốt đẹp, lành mạnh của nền giáo

dục các nước, trong đó có Trung Quốc, Pháp, Mĩ và nhiều nước khác để xây dựng, phát triển nền giáo dục dân tộc.

Với Hồ Chí Minh, nhất là từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, một nền giáo dục mới ra đời, trên cơ sở giáo dục truyền thống dân tộc, kết hợp với lí luận chủ nghĩa Mác - Lênin và tinh hoa văn hóa, khoa học, giáo dục của nhân loại. Việc xây dựng nền giáo dục dân chủ nhân dân tiến lên giáo dục xã hội chủ nghĩa gắn liền với thắng lợi của cách mạng Việt Nam và cũng góp phần vào thắng lợi của cách mạng thế giới. Đây là điều kiện để hòa nhập vào giáo dục quốc tế và khu vực để xây dựng nền giáo dục xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Những thành tựu của nền giáo dục mới có sự đóng góp to lớn của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Trong những công lao của Người đối với việc xây dựng và phát triển nền giáo dục cách mạng Việt Nam, chúng ta nhận thấy Hồ Chí Minh là tiêu biểu, là tấm gương cho việc tiếp nhận văn hóa, giáo dục thế giới để xây dựng nền giáo dục dân tộc.

Năm 1911 ra đi tìm đường cứu nước đúng cho dân tộc, Hồ Chí Minh đã có công lao to lớn đầu tiên là đặt cách mạng Việt Nam trong mối quan hệ chặt chẽ với cách mạng thế giới. Trước Hồ Chí Minh, nhiều nhà yêu nước Việt Nam cũng có ý thức dựa vào nước ngoài để đấu tranh giải phóng dân tộc, nhưng mới chỉ giới hạn ở việc cầu viện, xây dựng lực lượng đưa về nước, chứ chưa có ai nghĩ đến, mà cũng chưa thể nghĩ đến, một sự liên minh quốc tế trong cuộc đấu tranh chống một kẻ thù chung. Vào đầu thế kỉ XX, đặc biệt từ sau Cách mạng tháng Mười Nga 1917, điều kiện cho sự liên minh chiến đấu giữa giai cấp vô sản và nhân dân bị áp bức trên thế giới, đấu tranh cho "giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người" được hình thành. Nguyễn Ái Quốc đã nhận thức được điều này và xác định con đường cứu nước đúng cho nhân dân Việt Nam, cũng như nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc khác, theo xu hướng phát triển hợp quy luật của nhân loại tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kì từ sau 1911 đã hình thành một nội dung mới trong tư tưởng Hồ Chí Minh - Tư tưởng Hồ Chí Minh với thế giới. Trong nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh - "một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam ..." (6), tư tưởng Hồ Chí Minh với thế giới có một vị trí quan trọng, thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Đây là cơ sở để

Đảng ta thực hiện chiến lược đại đoàn kết (dân tộc và quốc tế) và ở Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) đã rút ra bài học "kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế" (7). Các Đại hội Đảng lần thứ VII (1991) và lần thứ VIII (1996) tiếp tục khẳng định bài học này. Đại hội Đảng lần thứ IX (2001) và lần thứ X (2006) nhấn mạnh sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trên mọi lĩnh vực cuộc sống.

Nhận thức sự kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế, Hồ Chí Minh hiểu rõ *sức mạnh dân tộc Việt Nam và sức mạnh của thời đại*. Sức mạnh dân tộc theo Hồ Chí Minh, là sức mạnh của truyền thống dân tộc, hun đúc từ hàng nghìn năm trong công cuộc dựng nước và giữ nước, thể hiện ở lòng yêu nước, tinh thần lao động, ý chí chiến đấu ngoan cường, sự thông minh, sáng tạo, ý thức độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, đoàn kết. Sức mạnh dân tộc được nhân lên gấp bội lần dưới sự lãnh đạo của Đảng, được thắp sáng bởi tư tưởng Hồ Chí Minh nên đưa lại những thắng lợi to lớn trong lao động và chiến đấu. Điểm nổi bật của sức mạnh này là làm cho nước ta có vinh dự lớn của "một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mĩ - và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc". Sức mạnh dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc được thể hiện trong công cuộc đổi mới đất nước, phát triển vững chắc theo con đường xã hội chủ nghĩa. Điều này đã được khẳng định và nhân dân Việt Nam kiên trì thực hiện.

Sức mạnh của thời đại, theo Hồ Chí Minh, bắt đầu từ sau Cách mạng tháng Mười Nga 1917, được thể hiện chủ yếu ở các lực lượng tiến bộ trên thế giới, đặc biệt của giai cấp vô sản và nhân dân các dân tộc bị áp bức, đã được giải phóng khỏi ách thực dân, đang phát triển trong công cuộc xây dựng xã hội giàu mạnh, văn minh, tiến bộ. Sức mạnh này được củng cố và phát triển của sự đoàn kết quốc tế sâu rộng trong cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và xây dựng đất nước ngày nay.

Khi nhận thức về sức mạnh của thời đại, Hồ Chí Minh không chỉ nhìn thấy mặt chính trị và xã hội, dù là những mặt quan trọng bậc nhất, mà còn nhấn mạnh đến sự phát triển của lực lượng sản xuất, của cách mạng khoa học - kĩ thuật.

Nhận thức đúng sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã quán triệt bài học về " ... *phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại*

trong điều kiện mới. Phát huy nội lực xem là nhân tố quyết định đối với sự phát triển ; đồng thời coi trọng huy động các nguồn ngoại lực, thông qua hội nhập và hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để phát huy nội lực mạnh hơn, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững, trên cơ sở giữ vững độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa" (8).

Đường lối này chỉ đạo mọi hoạt động của nhân dân ta trên mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực văn hóa - giáo dục. Hơn nữa, như đã nêu trên, Hồ Chí Minh là một gương sáng cho chúng ta noi theo về việc tiếp thụ văn hóa , giáo dục nước ngoài để làm phong phú kiến thức của bản thân, xây dựng nền văn hóa, giáo dục cách mạng theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Vào thời niên thiếu, Nguyễn Tất Thành theo học chữ Hán với các thầy đồ ở quê, không chỉ đem lại cho mình "dăm ba chữ thánh hiền" mà còn đặt cơ sở cho việc thấu hiểu những mặt tích cực trong đạo lí của Nho giáo để ứng xử trong cuộc sống. Cụ Nguyễn Sinh Sắc là một nhà nho thức thời, sớm nhận thấy không thể để cho các con mình bị giam hãm trong nhà trường nho học mà phải tiếp xúc với Tây học. Cụ hiểu rõ rằng, giáo dục của thực dân Pháp ở Việt Nam là một nền giáo dục nô lệ, chỉ nhằm đào tạo một lớp người để phục vụ trong bộ máy thống trị của chúng. Song, cụ cũng thấy rằng, cần phải tiếp xúc với Tây học để hiểu rõ hơn nước Pháp và các nước ở châu Âu. Suy nghĩ này không thể không ảnh hưởng đến tư tưởng Nguyễn Tất Thành khi Người quyết định rời Tổ quốc sang Pháp, sang các nước phương Tây: "... nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật, người khác lại nghĩ là Anh, có người lại cho là Mĩ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi" (9).

Với ý thức tìm hiểu nước Pháp để tìm đường cứu nước, ngay sau khi đặt chân lên nước Pháp, Nguyễn Tất Thành, ngày 15/9/1911, đã gửi cho Tổng thống và Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp đơn xin học Trường thuộc địa. Trong đơn có câu : "Tôi hoàn toàn không có tiền bạc, nhưng ham học hỏi. Tôi muốn trở thành hữu ích cho nước Pháp trong quan hệ với đồng bào tôi và làm cho họ được hưởng những điều tốt đẹp của học vấn" (10). Xung quanh vấn đề Nguyễn Tất Thành gửi đơn xin học Trường thuộc địa ở Pháp có nhiều ý kiến khác nhau, song những ý kiến cố tình xuyên tạc hay chưa nhận thức rõ

đều không thể làm lu mờ động cơ chân chính của Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước (11).

Không được nhận vào Trường thuộc địa thì Nguyễn Tất Thành tự học trong đời sống để tìm hiểu nước Pháp, nhân dân Pháp rồi trở về giúp đồng bào. Với tinh thần, ý chí tự học, từ vốn kiến thức ban đầu khi ra đi tìm đường cứu nước - vốn Hán học khá tinh thông và trình độ Tây học ở bậc tiểu học - Nguyễn Tất Thành dần dần nắm vững những hiểu biết về văn hóa Đông, Tây làm cơ sở cho việc tiếp tục chủ nghĩa Mác - Lênin. Vì vậy, năm 1990, nhân kỉ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO đã công nhận Người là "*Vị anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam và là một nhà văn hóa lớn*". Về mặt văn hóa, nghị quyết của UNESCO khẳng định: "... Sự đóng góp quan trọng về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật là kết tinh của truyền thống hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau".

Trong cuộc gặp gỡ với Nguyễn Ái Quốc năm 1923, khi Người sang đất nước Xô Viết lần đầu tiên, nhà báo Liên Xô Ôxip Mandenxtam trong bài: "*Thăm một chiến sĩ Quốc tế Cộng sản - Nguyễn Ái Quốc*" đã ghi lại cảm tưởng tốt đẹp của mình về Nguyễn Ái Quốc như sau: "Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mệnh mông của tình hữu ái toàn thế giới" (12).

Việc tiếp nhận những yếu tố của nền giáo dục tiên tiến, tinh hoa văn hóa nhân loại là một trong những nguồn gốc quan trọng, bên cạnh những nguồn gốc khác, hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, giáo dục, về hội nhập quốc tế nói chung, trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục nói riêng, giữ một vị trí quan trọng. Đây là cơ sở để Đảng ta, Nhà nước Việt Nam hoạch định đường lối, chính sách, phương hướng chỉ đạo mọi hoạt động trong những lĩnh vực khác.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về hội nhập quốc tế trên lĩnh vực giáo dục trong xu thế toàn cầu hóa

Việc vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giáo dục cần đảm bảo những nguyên tắc chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, nhận thức thế giới, thời đại một cách khách quan, khoa học biện chứng, khắc phục những sai lầm, thiếu sót, do tư tưởng chủ quan, duy ý chí, hẹp hòi, bảo thủ chi phối. Nhận thức đúng phải phù hợp với thực tiễn khách quan, không che giấu mặt yếu kém của mình, thối phồng, tô hồng, hoảng hốt trước những mặt mạnh của nước khác mà tự ti, e dè trong học tập.

Thứ hai, nhất quán trong mục tiêu, linh hoạt trong việc kết hợp các lực lượng (trong nước và quốc tế). Mục tiêu giáo dục đã xác định được thể chế hóa trong Luật Giáo dục (2005): "Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc về chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" (13). Dù với hình thức hội nhập quốc tế như thế nào, mục tiêu đào tạo vẫn phải thực hiện đúng. Trong quá trình hội nhập với các hình thức phong phú, đa dạng phải hết sức linh hoạt, không chệch hướng. Để đạt mục tiêu cụ thể, trước mắt trong hội nhập những hoạt động thực tiễn phải luôn luôn nhằm vào mục tiêu cơ bản và lâu dài. Cách thể hiện, chọn lựa mục tiêu để giải quyết phải xác định theo trình tự ưu tiên (trong biện pháp, đối tượng, công việc ...) với mức độ, yêu cầu phù hợp với lực lượng trong nước và điều kiện thế giới. Vì vậy, khi hội nhập quốc tế phải nhận thức đúng lực lượng nào là cơ bản, lực lượng nào là hợp tác có điều kiện.

Thứ ba, cũng như việc hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực, trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục phải hiểu rõ tình hình, xu thế phát triển thế giới, thời đại, tương quan lực lượng giữa các lực lượng trong và ngoài nước để có biện pháp, sách lược đúng, khắc phục những thiếu sót do chủ quan cảm tính.

Thứ tư, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng về kết hợp nhuần nhuyễn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế.

Việc tuân thủ những nguyên tắc chủ yếu trên trong hội nhập quốc tế về giáo dục được tiến hành trong điều kiện lịch sử thế giới ngày nay và những đặc trưng của công tác giáo dục.

Thực tiễn của những năm cuối thế kỉ XX, thập niên đầu thế kỉ XXI xác nhận rằng, nhận thức về quy luật phát triển của xã hội loài người mà Đại hội Đảng lần thứ IX nêu ra là đúng: "Toàn cầu hóa kinh tế là xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia, vừa có mặt tích cực và có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh ... Thế giới đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết nếu không có sự hợp tác đa phương ..." (14)

Trong xu thế chung của sự phát triển thế giới, sự hội nhập quốc tế về giáo dục càng trở nên cấp thiết. Bởi vì, trong thời đại chúng ta khi mối quan hệ quốc tế được mở rộng trên toàn thế giới, cách mạng khoa học - công nghệ phát triển như vũ bão, tác động trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội thì việc giáo dục con người, với mục tiêu cung cấp nhân lực cho lao động sản xuất, càng trở nên cấp thiết và cần thiết. Vì vậy, ngay sau khi Liên hợp quốc được thành lập (1945), giáo dục là một vấn đề được quan tâm hàng đầu với cơ quan chuyên trách UNESCO. Nhiều vấn đề về giáo dục lớp trẻ được đề cập trong nhiều năm qua và nêu những giải pháp mang tính cách tân với những ý tưởng và hành động chung đầy triển vọng, như việc nêu phương hướng "giáo dục cho mọi người", xác định "bốn cột trụ của giáo dục" ... Rõ ràng, những ý tưởng tốt đẹp như vậy khó có thể thực hiện trong một thế giới còn áp bức, bóc lột, khoảng cách giàu nghèo trong một nước và giữa các quốc gia phát triển và đang phát triển còn khá xa. Đó là chưa nói đến nội dung, phương pháp dạy học, mục tiêu giáo dục còn có nhiều sự khác biệt giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau.

Trong lúc UNESCO còn lúng túng với những biện pháp thực tế, cụ thể để thực hiện những ý tưởng của mình thì dịch vụ giáo dục là một nội dung quan trọng của các nhóm dịch vụ và thương mại dịch vụ trên thế giới mà WTO quy định. Theo đó, dịch vụ giáo dục gồm: dịch vụ giáo dục tiểu học, dịch vụ giáo dục trung học, dịch vụ đào tạo đại học, dịch vụ đào tạo trung học cho người lớn, dịch vụ đào tạo trung học khác. Điều 10 Hiệp định chung về thương mại dịch vụ của WTO quy định: trừ hoạt động giáo dục có nguồn tài trợ của quốc gia; còn tất cả các hoạt động giáo dục có thu học phí, hoặc mang

tính thương mại đều thuộc phạm trù thương mại giáo dục WTO cũng quy định bốn phương thức cung cấp dịch vụ chung cho các lĩnh vực, trong đó có giáo dục.

Một là, cung ứng xuyên quốc gia hay qua biên giới (cross border) cho phép một thành viên của WTO được cung ứng dịch vụ từ nước mình sang bất cứ quốc gia - thành viên nào của Tổ chức thương mại thế giới ... Với giáo dục, phương thức này chủ yếu cung ứng các mặt dịch vụ về đào tạo, chương trình, giáo trình. Dịch vụ giáo dục xuyên quốc gia được thực hiện bằng các phương tiện như viễn thông, thư, bưu điện chuyển phát nhanh, để tiến hành các hình thức giáo dục, như giáo dục từ xa, học qua phương tiện điện tử (e-learning).

Hai là, tiêu thụ ngoài nước (consumption abroad), theo đó một quốc gia - thành viên WTO có thể cung cấp dịch vụ của nước mình cho nguồn tiêu thụ ở bất cứ quốc gia - thành viên nào. Khách hàng chỉ phải đến nước của doanh nghiệp để mua dịch vụ. Đối với giáo dục, đây là hình thức du học, mở lớp học để nâng cao trình độ của một số cán bộ, chuyên gia ở nước ngoài ...; đồng thời cũng đón nhận các cá nhân, tổ chức người nước ngoài đến học tập, nâng cao trình độ ở nước mình.

Ba là, hiện diện thương mại (commercial presence) nói về việc cung cấp dịch vụ của một quốc gia thành viên cho một quốc gia - thành viên khác của WTO thông qua hiện diện thương mại. Điều này có nghĩa là quốc gia cung cấp dịch vụ thành lập các cơ sở cung cấp dịch vụ tại nước của khách hàng, thông qua các chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty con ... Về giáo dục, một tổ chức giáo dục của một quốc gia - thành viên WTO có thể mở các loại trường quốc tế với vốn của mình ở một quốc gia - thành viên khác.

Bốn là, sự lưu chuyển công dân tự do (sự hiện diện thể nhân, Presence of natural person); đây là hình thức người cung cấp dịch vụ cử người đến nước khách hàng để trực tiếp cung cấp dịch vụ. Về giáo dục, hình thức này được thực hiện chủ yếu thông qua việc cử giáo sư, chuyên gia đến quốc gia thành viên khác giảng dạy, đào tạo, tổ chức việc nghiên cứu giữa các trường, viện, học viên, các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Theo Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS), các nước gia nhập WTO thực hiện điều 16 của GATS về cam kết mở cửa thị trường. Đối với việc thị trường theo bốn phương thức cung cấp dịch vụ, mỗi thành viên phải dành cho dịch vụ, hoặc người cung cấp dịch vụ của các thành viên khác sự đãi ngộ không kém phần thuận lợi hơn sự

đãi ngộ theo những điều kiện, điều khoản hạn chế đã được thỏa thuận và quy định tại danh mục cam kết cụ thể. Tuy có sự ràng buộc trong điều cam kết về mở cửa thị trường dịch vụ, song WTO cũng dành cho mỗi nước thành viên, tùy điều kiện cụ thể của mình, bằng việc nêu một số biện pháp để giới hạn việc thực hiện cam kết. Những biện pháp này cho phép các quốc gia - thành viên có thể hạn chế số lượng người cung cấp dịch vụ, tổng trị giá giao dịch về dịch vụ, số lượng các hoạt động dịch vụ, tổng số thể nhân cung cấp dịch vụ, hạn chế hình thức đầu tư, vốn đầu tư và thị trường dịch vụ.

Qua những điều trình bày trên, chúng ta nhận thấy rằng, WTO là một hình thức hội nhập quốc tế theo xu thế toàn cầu hóa. Ngay xu thế toàn cầu hóa cũng có mặt tích cực và hạn chế. Mặt tích cực của toàn cầu hóa thể hiện sự phát triển của xã hội loài người, trước hết và chủ yếu sự phát triển của cách mạng khoa học - công nghệ và sự chung sức để giải quyết những vấn đề toàn cầu (những vấn đề nảy sinh, liên quan đến mọi người trên hành tinh, như các vấn đề về nguyên liệu, năng lượng, môi trường sống, dân số, bệnh tật, những vấn đề về hòa bình ...).

Mặt hạn chế và tiêu cực thể hiện ở việc một số nước giàu mạnh lợi dụng xu thế toàn cầu hóa để thiết lập, áp đặt một trật tự đơn cực hay đa cực có lợi cho các nước giàu, theo kiểu "kẻ mạnh hiếp kẻ yếu". Xét cho cùng, đây là âm mưu, thủ đoạn của các nước đế quốc muốn xây dựng một thế giới của "chủ nghĩa tư bản vĩnh hằng", chống lại sự phát triển của nhân loại theo con đường xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, mà cuộc đấu tranh chống mặt trái của mối quan hệ trong toàn cầu hóa là điều cần thiết và cấp thiết. WTO là một tổ chức quốc tế thể hiện xu thế toàn cầu hóa nhưng trong thực tế lại bị chi phối bởi các nước lớn, nên nó đã thể chế hóa, luật pháp hóa xu thế toàn cầu hóa, nhằm biến xu thế khách quan này có lợi cho các nước giàu mạnh, ràng buộc, bắt các nước nhỏ yếu, đang phát triển lệ thuộc vào các nước lớn bằng hệ thống luật pháp quốc tế, mang nhiều tính chất bất công, tuy về hình thức có vẻ bình đẳng, hợp tác thân thiện. Có thể nói, WTO thể hiện nhiều mặt trái, hạn chế của toàn cầu hóa nhiều hơn là mặt tích cực của toàn cầu hóa, những mặt tích cực, mạnh cũng như những mặt yếu, hạn chế đặc biệt nắm vững những luật lệ của WTO và biết tự đánh giá mình khi bước vào sân chơi có tính toàn cầu này.

Về thực trạng và những giải pháp cho giáo dục Việt Nam hiện nay có nhiều ý kiến khác nhau. Trong bài "Thực trạng nền giáo dục Việt Nam và quan hệ Mĩ - Việt

trong lĩnh vực giáo dục" (tháng 4-2008) của Đại sứ Mỹ tại Việt Nam Michael W.Michalak đã nhận định rằng: "Việt Nam đang phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng trong các hệ thống giáo dục của mình ở tất cả các cấp, điều này gây phương hại cho quá trình theo đuổi tiến bộ kinh tế và hội nhập toàn cầu của nước này. Các quan chức, lãnh đạo không được đào tạo đầy đủ về quản lý giáo dục, giáo viên được đào tạo hời hợt và được trả lương thấp, và tình trạng tham nhũng gây khó khăn cho hệ thống ở mọi cấp " (15). Để góp phần khắc phục tình trạng khủng hoảng này, vị Đại sứ Mỹ đề ra một số biện pháp nhằm "giúp các quan chức và các thể chế giáo dục của Việt Nam đạt được những mục tiêu sau đây:

- Đưa chương trình giảng dạy của Mỹ vào một loạt lĩnh vực.
- Thực hiện các phong cách giảng dạy của Mỹ, chú trọng lối tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề và kỹ năng lãnh đạo, chứ không phải học vẹt.
- Gia tăng sự hiểu biết về Mỹ và các thể chế của Mỹ thông qua các lối học theo hướng quốc tế hóa và trong các khóa nghiên cứu về Mỹ.
- Cải thiện việc giảng dạy tiếng Anh, từ đó giúp sinh viên có khả năng tự mình có được thông tin về nước Mỹ và thế giới rộng lớn hơn.
- Thúc đẩy việc học tập ở Mỹ, điều này đem lại cho các nhà lãnh đạo tương lai những kinh nghiệm trực tiếp về xã hội và các giá trị của Mỹ.
- Mở rộng và làm sâu sắc sự hợp tác với các trường đại học, các công ti của mình và các tổ chức phi chính phủ.
- Có được sự đào tạo mà họ cần đến trong quản lý giáo dục" (16)

Chúng ta đã có hiểu biết và kinh nghiệm trong việc hợp tác quốc tế về giáo dục trước đây (chủ yếu với các nước xã hội chủ nghĩa về độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia trong giáo dục), nên phần nào cũng hiểu phải làm gì khi quan hệ với các nước thành viên WTO, đặc biệt với Mỹ. Chúng ta biết học tập, tiếp thu có chọn lọc những mặt tích cực, cũng như tránh các mặt tiêu cực của giáo dục nước ngoài để phát triển giáo dục Việt Nam theo mục tiêu đã xác định.

Trước hết, phải tự đánh giá đúng mình, trong mối quan hệ với thế giới và không nhìn nhận xu thế thời đại trong trạng thái "tĩnh", mà trong sự vận động không ngừng của nó, sự thay đổi trong tương quan lực lượng, trong tập hợp lực lượng giữa các tác nhân tạo nên xu thế. Chúng ta đứng vững trên quan điểm, tư tưởng của mình, kiên trì những

nguyên tắc chiến lược, nhưng cũng rất linh hoạt, mềm dẻo trong việc hợp tác theo tinh thần "thêm bạn, bớt thù", khai thác, học tập những mặt hay của bạn bè kể cả đối phương trước đây và cảnh giác với các âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "diễn biến hòa bình", "phi chính trị hóa" trong giáo dục, cũng như trong lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Chúng ta nêu cao "tinh thần độc lập, tự chủ, dựa vào sức mình là chính, kiên định thực hiện mục tiêu chiến lược trong việc kết hợp sức mạnh trong nước với sự hỗ trợ từ ngoài "vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh" (17)

Việc đánh giá thực trạng giáo dục hiện nay của nước ta phải dựa trên tiêu chí có tính nguyên tắc, khoa học. Điều này sẽ tránh được những nhận định vội vã, bi quan hay lạc quan "tếu", tránh được nhận xét phiến diện, chỉ thấy hiện tượng, mà không nhận thức được bản chất, hoặc vận dụng một cách máy móc "tiêu chuẩn nước ngoài", "tiêu chuẩn quốc tế" không sát với thực tiễn Việt Nam, không phù hợp với mục tiêu chiến lược về giáo dục nước ta. Việc bắt chước, học tập một cách giáo điều kinh nghiệm nước ngoài là một nguyên nhân đưa tới những thất bại - điều mà chúng ta đã có kinh nghiệm xương máu.

Việt Nam ta "vốn xung văn hiến đã lâu" (theo "*Bình Ngô đại cáo*" của Nguyễn Trãi). Một nước có nền văn hiến lâu đời phải là một quốc gia có nền văn hóa, giáo dục sớm ra đời và phát triển. Ngoài nền giáo dục dân gian có tác dụng to lớn đối với con người Việt Nam lao động, yêu quê hương, Tổ quốc, giáo dục học đường cũng cung cấp nhiều nhân tài cho đất nước "hiền tài và nguyên khí quốc gia". Giáo dục truyền thống của Việt Nam lấy đạo lý làm mục tiêu, nội dung giáo dục thế hệ trẻ, được xã hội quan tâm, thực hiện. Từ khi Đảng ra đời, nhất là từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, một nền giáo dục cách mạng được hình thành đã cống hiến cho Tổ quốc những thế hệ thanh niên kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sau khi tiến hành công cuộc đổi mới đất nước đến nay (1986 trở đi), giáo dục cũng đổi mới và có những thành tựu nhất định. Một nền giáo dục như vậy, được giữ vững và phát triển qua những khó khăn, gian khổ của cách mạng, không có sai lầm về việc chệch mục tiêu, phương hướng đào tạo theo quan điểm, đường lối của Đảng sao có thể gọi là "khủng hoảng". Song, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, giáo dục Việt Nam đang đứng trước nhiều thử thách, có biểu hiện và chiều hướng giảm sút chất lượng đáng lo ngại về mặt khoa học (cơ bản và giáo dục) nhất là mặt tư tưởng, đạo đức. Tuy vậy, tài năng

phẩm chất của thế hệ trẻ nói chung không vì những thiếu sót này mà bi quan, chỉ nhìn thấy tiêu cực, không thấy sức mạnh và ý chí vươn lên của nền giáo dục, chỉ "chóng" mà không "xây", hoặc không dựa vào thành tựu, bài học kinh nghiệm của bản thân nền giáo dục Việt Nam truyền thống và cách mạng mà chủ trương dựa vào "ngoại viện".

Nhận định về tình hình giáo dục trong những năm đầu của thế kỷ XXI và phương hướng phát triển giáo dục trong những năm tới, Đại hội Đảng lần thứ X đã chỉ ra : "Giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển và được đầu tư nhiều hơn. Cơ sở vật chất được tăng cường. Quy mô đào tạo mở rộng, nhất là trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Trình độ dân trí được nâng lên"(18). Song, "chất lượng giáo dục và đào tạo còn thấp. Khoa học và công nghệ chưa đáp ứng kịp yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quản lý nhà nước đối với một số lĩnh vực trong giáo dục, y tế, thể dục, thể thao còn yếu kém"(19). Trong tình hình như vậy, cần "nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, nội dung, phương pháp dạy và học; thực hiện "chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa", chấn hưng nền giáo dục Việt Nam"(20).

Việc đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo được tiến hành trong các cấp học, ngành học, trong thực hiện xã hội hóa giáo dục, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục và tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo. Việc hợp tác quốc tế này là nhằm hội nhập, "tiếp cận chuẩn mực giáo dục tiên tiến của thế giới phù hợp với yêu cầu phát triển của Việt Nam; tham gia đào tạo nhân lực khu vực và thế giới. Có cơ chế quản lý phù hợp với các trường do nước ngoài đầu tư hoặc liên kết đào tạo" (21).

Sự nhận thức đúng thực trạng và phương hướng phát triển giáo dục Việt Nam theo đường lối giáo dục của Đảng giúp chúng ta hiểu mình, thấy thuận lợi và khó khăn trong hội nhập quốc tế nói chung, thực hiện những cam kết về giáo dục của WTO nói riêng.

Về thuận lợi, trong sự lớn mạnh của đất nước, với vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, năng lực của nền giáo dục Việt Nam hiện nay chúng ta có thể và cần phải hội nhập quốc tế về giáo dục, cùng với các lĩnh vực khác. Đây là cơ hội để giáo dục Việt Nam tiếp cận với xu thế tất yếu về hội nhập quốc tế, thực hiện việc trao đổi kinh nghiệm và xây dựng một nền giáo dục tiên tiến trên thế giới và khu vực. Chúng ta có thể và lực để đẩy mạnh việc hợp tác một cách bình đẳng và có hiệu lực trong lĩnh vực giáo dục nói chung và nghiên cứu khoa học giáo dục nói riêng.

Với quy mô đào tạo, yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục mà nước ta chưa đủ điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, hiện đại hóa điều kiện dạy học, theo điều lệ của Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS) chúng ta có thể khai thác những cơ hội để thu hút vốn nước ngoài, liên doanh xây dựng các cơ sở giáo dục, đào tạo với 100% vốn đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện cho việc nâng cao giáo dục chất lượng và mở rộng việc "du học tại chỗ"...

Những biện pháp này tạo thuận lợi để giáo dục Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Về khó khăn, cũng không ít, bởi vì, giáo dục bao giờ cũng là một mặt trận diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa các thế lực khác nhau trong việc tranh giành thế hệ trẻ. Chế độ chính trị - xã hội nào có nền giáo dục này !

Chất lượng giáo dục Việt Nam, đặc biệt về cơ sở vật chất đào tạo, thiết bị dạy học và trình độ về khoa học tự nhiên, công nghệ còn thấp so với nhiều nước, nhất là giáo dục đại học và chuyên nghiệp, chưa đủ sức tham gia thị trường giáo dục quốc tế để thực hiện các hình thức dịch vụ quốc tế về giáo dục. Vì vậy, việc xuất khẩu giáo dục của nước ta rất yếu không có khả năng cạnh tranh với nước ngoài, nhất là mặt khoa học kỹ thuật.

Một điều đáng lo ngại nhất là việc thực hiện và giữ vững mục tiêu giáo dục trong việc "liên doanh, liên kết", việc giáo dục tư tưởng, lí tưởng cho các du học sinh Việt Nam và học sinh, sinh viên Việt Nam ở các trường quốc tế trong nước ta. Chúng ta phải đào tạo những con người Việt nam có trình độ khoa học cao, trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chứ không phải những con người nắm vững khoa học, kỹ thuật, thông thạo ngoại ngữ, chủ yếu là tiếng Anh, để đi "làm thuê" cho chủ doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam hay xuất khẩu lao động, "chảy máu chất xám". Do đó, làm sao cho luật pháp trong lĩnh vực giáo dục phù hợp với các quy định có tính pháp lí của WTO, làm sao cho việc liên doanh, liên kết quốc tế về giáo dục không làm chệch phương hướng, đường lối giáo dục của Đảng, xa rời mục tiêu giáo dục đã quy định trong Luật Giáo dục. Đây là vấn đề thực hiện và bảo đảm độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia về mặt giáo dục trong hội nhập quốc tế. Vì vậy, việc thực hiện xu thế khách quan của toàn cầu hóa nói chung, trong giáo dục nói

riêng theo phương châm "vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh" thể hiện tính đảng, nghệ thuật của các nhà giáo dục và quản lí giáo dục.

Trước những thuận lợi và thách thức, thời cơ và nguy cơ của giáo dục Việt Nam trong điều kiện lịch sử hiện nay, Đảng và Nhà nước ta có những chủ trương, biện pháp đúng đắn về hội nhập quốc tế và khu vực.

Trong phạm vi bài viết này chúng tôi chỉ xin nêu một số ý kiến có tính chất phương pháp luận và kiến nghị:

Thứ nhất, khẩn trương nghiên cứu những vấn đề lí luận và thực tiễn để đánh giá thực trạng giáo dục Việt Nam và giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giáo dục Việt Nam trong hội nhập quốc tế, khi là quốc gia - thành viên WTO... Trên cơ sở ấy quán triệt quan điểm, đường lối, chính sách giáo dục của Đảng và Nhà nước một cách vững vàng, linh hoạt, có hiệu quả, xây dựng được chiến lược, sách lược giáo dục lâu dài, khắc phục tình trạng thực hiện các "biện pháp tình thế" một cách chấp vá, nhất thời, không có hệ thống ...

Thứ hai, trên cơ sở Luật giáo dục (2005), cải thiện môi trường pháp lí về giáo dục, phù hợp với các quy định về dịch vụ giáo dục của WTO. Xây dựng hành lang pháp lí vừa để đảm bảo chủ quyền, mục tiêu giáo dục của nước ta, vừa khai thác những nguồn lực bên ngoài để phát triển giáo dục Việt Nam, không chệch hướng chính trị đã xác định.

Thứ ba, phải giữ vững và phát triển những ưu thế, sức mạnh vốn có của Việt Nam để tiến hành đổi mới sâu sắc và toàn diện giáo dục, khắc phục những mặt yếu kém và bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển một nền giáo dục tiên tiến không chỉ đủ sức cạnh tranh với các dịch vụ quốc tế ở nước ta mà còn thu hút, quảng bá những thành tựu nghiên cứu khoa học ở Việt Nam, đặc biệt là khoa học xã hội và nhân văn. Với thắng lợi của Việt Nam trong đấu tranh cho độc lập dân tộc và lao động xã hội giàu mạnh, văn minh, tiến bộ, nhiều nhà khoa học nước ta muốn tìm hiểu sâu sắc, toàn diện, đúng đắn về con người, đất nước Việt Nam, đặc biệt về cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những kết quả nghiên cứu của ngành Việt Nam học, về Hồ Chí Minh học đã chứng tỏ điều này. Do thiếu tài liệu, thiếu hiểu biết về Việt Nam, bị tác động, chi phối những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc về Việt Nam nên không ít

người nước ngoài và đồng bào sống xa Tổ quốc có phần nhận thức sai lệch về lịch sử, lễ hội, con người Việt Nam. Trong sách giáo khoa lịch sử của nhiều nước đã có không ít kiến thức thiếu chính xác về Việt Nam, nhất là thời kì từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay. Những điều này cần được đề nghị các tác giả nước ngoài điều chỉnh, biên soạn lại và trách nhiệm của những nhà sử học, giáo dục lịch sử trong công việc này là không nhỏ.

Thứ tư, đổi mới công tác quản lí giáo dục ở nước ta là một yếu tố quan trọng của đổi mới giáo dục để chuyển mạnh công tác quản lí giáo dục sang quản lí nhà nước và quản lí chất lượng, đủ năng lực để thanh tra, kiểm soát các dịch vụ giáo dục quốc tế ở Việt Nam, tránh những hậu quả đáng tiếc của những dịch vụ giáo dục "dòm", không chất lượng và gây những tác hại xấu, nguy hiểm trong đào tạo về chất lượng khoa học, phẩm chất, đạo đức mà thế hệ trẻ phải hứng chịu.

Thứ năm, những yêu cầu về hội nhập quốc tế và giáo dục trong tình hình hiện nay, trong một môi trường hoạt động đa dạng, có môi trường pháp lí phong phú, phức tạp, ẩn chứa nhiều khả năng tranh chấp ("vừa hợp tác vừa đấu tranh") đòi hỏi chúng ta phải có đầy đủ kiến thức pháp lí, văn hóa, có sách lược mang tính nguyên tắc, sự linh hoạt, mềm dẻo ... Điều này chỉ có thể tiến hành trên cơ sở quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Kinh nghiệm xây dựng nền giáo dục Việt Nam chỉ rõ rằng: khi nào chúng ta vận dụng đúng, một cách sáng tạo, linh hoạt tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối của Đảng, Nhà nước thì chúng ta giành được nhiều thắng lợi to lớn. Ngược lại, làm không đúng, xa rời tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước nói chung, về giáo dục nói riêng thì gặp nhiều khó khăn hoặc thất bại.

Đúng vững trên tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng về giáo dục là một yếu tố quan trọng, quyết định sự thành công trong hội nhập quốc tế về giáo dục trong thời đại hiện nay.

* * *

*

Toàn cầu hóa là xu thế tất yếu, khách quan mà chúng ta hòa nhập quốc tế, khu vực trên mọi mặt, trong đó có giáo dục. Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp trong đời sống xã hội của các dân tộc, đặc biệt đối với những quốc gia

đang phát triển, vừa thoát khỏi nô dịch của chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Điều này xuất phát từ những mặt tích cực, tiến bộ và những yếu tố tiêu cực của quá trình toàn cầu hóa. Do đó, việc hội nhập quốc tế nói chung, trong lĩnh vực giáo dục nói riêng, phải tiến hành "vừa hợp tác, vừa đấu tranh", khai thác những mặt thuận lợi, tận dụng thời cơ, khắc phục những khó khăn, tránh những nguy cơ có hại cho việc xây dựng, giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia trong mọi lĩnh vực, trong đó có giáo dục.

Hội nhập quốc tế về giáo dục, cũng như mọi lĩnh vực khác phải tuân thủ những nguyên tắc, yêu cầu về độc lập, chủ quyền, về xây dựng một nền giáo dục xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện mục tiêu giáo dục của Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam, kiên quyết đấu tranh chống chiến lược "diễn biến hòa bình", sự nô dịch về giáo dục dưới một hình thức mới của các thế lực đế quốc.

Hình thức hội nhập quốc tế về giáo dục phong phú, đa dạng nhằm vào mục đích phát triển, đổi mới giáo dục Việt Nam để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phù hợp với những quy định pháp lí của các tổ chức quốc tế, trong đó có WTO.

Hiệu quả của việc hội nhập quốc tế về giáo dục chỉ đạt kết quả trên cơ sở một nội lực mạnh mẽ để tiếp nhận ngoại lực một cách chủ động, sáng tạo. Điều này đòi hỏi phải đứng vững, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước ta, và sự hiểu biết đúng đắn, chính xác thực trạng giáo dục Việt Nam hiện nay, cũng như tổng kết những bài học, kinh nghiệm của giáo dục cách mạng Việt Nam

CHÚ THÍCH

- (1) C.Mác - Ph.Ăngghen : *Tuyển tập*, Tập 2, Nxb Sự thật, HN, 1962, tr. 199.
- (2) Ch.Charrier : *Pédagogie vécue*, F Nathan, Paris, 1918, tr 539.
- (3) GS Trương Hữu Quýnh, GS Đinh Xuân Lâm, PGS Lê Mậu Hãn (Đồng chủ biên) : *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Toàn tập, Nxb Giáo dục, HN, 2002, tr. 13 - 14.
- 4.Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Tập 2, Nxb CTQG, HN, 1996, tr. 99.
- (5) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Sđd, Tập 2, tr. 36.
- (6) Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, HN, 2001, tr. 220.

- (7) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Sđd, Tập 12, Tr.511.
- (8) : Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, HN, 2006, tr. 72-73.
- (9) Hồ Chí Minh : *Biên niên tiểu sử*, Tập 4, Nxb CTQG, HN, 1993.
- (10) Theo Daniel Héméry : *Jeunesse d' un colonise". Genèse d' un exil, jusqu'en 1911, Asie*, 1992, N° 11, tr. 131.
- (11) Phan Ngọc Liên : *Hồ Chí Minh với tiến trình lịch sử dân tộc*, Nxb CTQG, HN, 2008, tr. 143-148.
- (12) : Trong Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Sđd, Tập 1, tr. 479.
- (13) : Luật Giáo dục, Nxb CTQG, HN, 2005, tr. 8.
- (14) Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Sđd, tr. 13 - 14.
- (15) Thông tấn xã Việt Nam : *Tài liệu tham khảo đặc biệt, Số 120 - TTX*, ngày 28/5/2008, tr. 3.
- (16) Tài liệu dẫn trên trang 8-9.
- (17) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Sđd, tr. 13.
- (18), (19), (20), (21), Đảng Cộng sản Việt Nam : *Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Sđd, tr. 57, 63, 95, 98.